TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 83/QĐST-HNGĐ	*T.p Hoà Bình, ngày 07 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 289/2016/TLST/HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2016, giữa:

- *Nguyên đơn* : Bà **Đặng Thị T.** Sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 8, phường Thái Bình, Tp Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- *Bị đơn* : Ông **Nguyễn Công U**. Sinh năm 1965.

Trú tại: Tổ 8, phường Thái Bình, Tp Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà **Nguyễn Thị T**. Sinh năm 1960.

+ Bà **Nguyễn Thị H**. Sinh năm 1954.

+ Bà **Nguyễn Thị L**. Sinh năm 1963.

+ Bà **Nguyễn Thị Th**. Sinh năm 1957.

+ Ông **Nguyễn Công Q.** Sinh năm 1969.

+ Ông **Nguyễn Văn B**. Sinh năm 1961.

+ Ông **Nguyễn Huy H.** Sinh năm 1975.

Cùng trú tại: Thôn Võ Lăng, xã Dân Hòa, huyện Thanh Oai, T.p Hà Nội.

+ Ông **Phạm Văn N.** Sinh năm 1959.

Trú tại: Tiểu khu Lâm Lý, thị trấn Đà Bắc, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn

và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Đặng Thị T** và anh **Nguyễn Công U.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về mối quan hệ hôn nhân:* Chị **Đặng Thị T** và anh **Nguyễn Công U thuận** tình ly hôn.

- *Về mối quan hệ con chung:* Có hai con chung là Nguyễn Thị Thanh H sinh ngày 25/7/1990 và Nguyễn Công L sinh ngày 21/11/1996. Cả hai đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về mối quan hệ tài sản chung và nợ chung:*

Anh Nguyễn Công U được quyền sử dụng thửa đất số 48, tờ bản đồ 16, địa chỉ: Tổ 8, phường Thái Bình, Tp Hòa Bình trị giá 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) và quyền sở hữu căn nhà xây 04 gian trên thửa đất số 197, tờ bản đồ 01, địa chỉ: Thôn Võ Lăng, xã Dân Hòa, Thanh Oai, Tp Hà Nội trị giá 870.000.000 đồng (tám trăm bảy mươi triệu đồng).

Chị Đặng Thị T được quyền sử dụng thửa đất số 3, tờ bản đồ 15, địa chỉ: Tổ 8, phường Thái Bình, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình và quyền sở hữu nhà xây cấp 4 trên đất trị giá 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Chị Đặng Thị T được quyền sở hữu tài sản chung của vợ chồng trong Công ty TNHH MTV T Q địa chỉ: Tổ 2, phường Chăm Mát, Tp Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình trị giá 1.163.000.000 đồng (một tỉ, một trăm sáu mươi ba triệu đồng).

Chị T có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh Nguyễn Công U là 91.000.000 đồng (chín mươi mốt triệu đồng).

Anh Nguyễn Công U được nhận 91.000.000 đồng (chín mươi mốt triệu đồng) tiền chênh lệch tài sản từ chị Đặng Thị T.

Anh Nguyễn Công U có trách nhiệm trả nợ: Chị Nguyễn Thị T số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng); Chị Nguyễn Thị H số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); Chị Nguyễn Thị Th số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng); Chị Nguyễn Thị L số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); Anh Nguyễn Công Q số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); Anh Nguyễn Huy H số tiền 39.000.000 đồng (ba mươi chín triệu đồng); Anh Nguyễn Văn B số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); anh Phạm Văn Ng số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có

đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015).

- Về án phí:

Anh Nguyễn Công U phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 31.442.500 đồng (ba mươi mốt triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Đặng Thị T phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 31.442.500 đồng (ba mươi mốt triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị T đã nộp đã nộp 44.200.000 đồng (bốn mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình theo các biên lai số: 0001926, 0001927 ngày 10/11/2016, nay được đối trừ. Trả lại cho chị Đặng Thị T 12.682.500 đồng (mười hai triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp Hòa Bình;
- UBND p.Chăm Mát, Tp Hòa Bình, tỉnh HB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nghiêm Hoài Anh